

Bản án số: 37/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29 – 9 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Hoàn

2. Ông Lê Thanh Hải

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên không
tham gia phiên tòa.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh
Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình
sơ thẩm thụ lý số 104/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 Về việc
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
37/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Xóm HV, xã MY, huyện A, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Vi Văn V, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Xóm TL, xã VH, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong
hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Nguyên đơn - **Chị Lê Thị Y trình bày:**

Chị và anh Vi Văn V kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có
đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện H, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn
vợ chồng chị thuê nhà ở và chung sống hạnh phúc. Mấy năm gần đây vợ chồng
chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh V
mắc nghiện ma túy nên không chịu làm ăn, luôn chơi bời, không quan tâm gì

đến vợ và con nên cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Năm 2020 anh V đánh chị cãi nhau vì không có tiền để lo toan cho gia đình, con cái, cuộc sống khó khăn nên chị đã mang theo con trở về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm HV, xã MY, huyện A, tỉnh Thái Nguyên ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên nội ngoại nhiều lần khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng chị không đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để chị yên tâm làm ăn và ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vi Minh B, sinh ngày 06/3/2018. Khi ly hôn chị có nguyện V được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – anh Vi Văn V trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh xác định anh và chị Lê Thị Y kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện H, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó dần dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Y có đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Vi Minh B, sinh ngày 06/3/2018. Khi ly hôn anh có nguyện V được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh và chị Y không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để chị Y và anh V đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh V không hợp tác giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; Bị đơn – Anh Vi Văn V cư trú tại xóm TL, xã VH, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Vi Văn V kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện H, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y, anh V sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2020 vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, chị Y mang theo con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, nay chị Y khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn anh V. Chị Y và anh V đều xác định thời điểm vợ chồng sống ly thân từ năm 2020, cả hai đều không quan tâm đến nhau, hiện nay hai bên không cùng sống chung một mái nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau, cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà cứ để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân như vậy, cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau những công việc gia đình và những khó khăn, lo toan trong cuộc sống. Trong trường hợp này, chị Y và anh V đã vi phạm nghĩa vụ, tình nghĩa vợ chồng .

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Từ năm 2020 đến nay chị Y đã mang theo con về ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại MY, huyện A, tỉnh Thái Nguyên chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn nên xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Y, cho chị Lê Thị Y được ly hôn anh Vi Văn V là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Y và anh V xác định vợ chồng có 01 con chung là Vi Minh B, sinh ngày 06/3/2018. Khi ly hôn chị Y và anh V đều có nguyện V được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện V xin được nuôi con chung của chị Y và anh V đều có quyền ngang nhau, nhưng hiện nay chị Y đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, con còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Tại phiên tòa chị Y tha thiết xin được nuôi con vì hiện nay con chị đang học mầm non tại xã MY, huyện A, tỉnh Thái Nguyên. Để đảm bảo tâm lý của trẻ và quyền lợi về mọi mặt của con sau khi cha mẹ ly hôn cần giao con chung cho chị Lê Thị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

** Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Y không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Vi Văn V có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh V khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Lê Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003844 ngày 16/8/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Lê Thị Y đối với anh Vi Văn V, cho chị Lê Thị Y được ly hôn anh Vi Văn V. Quan hệ hôn nhân giữa Chị Y và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Minh B, sinh ngày 06/3/2018 cho chị Lê Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Tòa án không giải quyết do chị Y không yêu cầu.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Vi Văn V có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003844 ngày 16/8/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Lê Thị Y, vắng mặt anh Vi Văn V. Báo cho chị Y biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Vi Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2016, xã VH,
huyện H, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái